

Số: 6516 /QĐ-DHQGHN

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Chiến lược phát triển Đại học Quốc gia Hà Nội
giai đoạn 2026-2035, tầm nhìn 2045**

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 201/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của đại học quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 6509/NQ-HĐ ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng Đại học Quốc gia Hà Nội;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Tài chính và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chiến lược phát triển Đại học Quốc gia Hà Nội giai đoạn 2026-2035, tầm nhìn 2045.

Điều 2. Các đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc DHQGHN căn cứ Chiến lược phát triển DHQGHN và các chỉ tiêu hoạt động chủ chốt để có chương trình hành động cụ thể cho đơn vị, đăng ký chỉ tiêu và tổ chức thực hiện hằng năm, bảo đảm hoàn thành mục tiêu. Văn phòng DHQGHN, các ban chức năng, Khối Văn phòng Đảng - Đoàn thể, căn cứ chức năng, nhiệm vụ để phối hợp, quản lý, giám sát, đánh giá định kỳ đảm bảo nguồn lực để triển khai.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Trưởng các ban chức năng, Trưởng khối Văn phòng Đảng - Đoàn thể, người đứng đầu đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc DHQGHN và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Đảng ủy DHQGHN (để b/c);
- Hội đồng DHQGHN (để b/c);
- Các Phó Giám đốc (để p/h chỉ đạo);
- Các đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc (để t/h);
- Lưu: VT, TC&ĐT, Tr10.

GIÁM ĐỐC



Leu. Sm

Hoàng Minh Sơn

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI



**CHIẾN LƯỢC
PHÁT TRIỂN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
GIAI ĐOẠN 2026-2035, TẦM NHÌN 2045**

(Ban hành theo Quyết định số 6516/QĐ-ĐHQGHN ngày 29/12/2025)

Hà Nội, tháng 12/2025

I. NỀN TẢNG CHIẾN LƯỢC

1. Sứ mệnh

Hội tụ và nuôi dưỡng hiền tài, phát triển nhân lực và tri thức tinh hoa, dẫn dắt đổi mới sáng tạo, thực hiện chiến lược quốc gia và cùng kiến tạo tương lai nhân loại.

2. Tầm nhìn đến 2045

Trở thành đại học nghiên cứu đẳng cấp thế giới, vận hành như một tập đoàn tri thức; nơi hội tụ nhân tài, văn hóa và tri thức tinh hoa, dẫn dắt đổi mới sáng tạo của Thủ đô và cả nước, đóng góp quan trọng hiện thực hóa tầm nhìn, mục tiêu phát triển quốc gia.

3. Giá trị cốt lõi

*Tiên phong - Sáng tạo - Xuất sắc - Nhân văn - Phụng sự*¹

II. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

1. Quan điểm phát triển

1. Phát triển ĐHQGHN theo định hướng nghiên cứu và đổi mới sáng tạo trên nền tảng khoa học cơ bản vững chắc; gắn chặt các ưu tiên cốt lõi với chiến lược phát triển của quốc gia và Thủ đô Hà Nội.

2. Lấy con người là trung tâm, nhân tài là nguyên khí của đại học; khẳng định ĐHQGHN là ngôi trường lý tưởng, lựa chọn hàng đầu để các học giả xuất sắc và tài năng trẻ hội tụ, cống hiến và tỏa sáng.

3. Lấy đổi mới quản trị hiện đại làm khâu đột phá; thực hiện nguyên tắc “thống nhất trong đa dạng”, phát huy cao độ bản sắc của từng đơn vị gắn với sức mạnh cộng hưởng của toàn hệ thống.

4. Tập trung phát triển không gian đô thị đại học, mở rộng không gian số và kết nối toàn cầu; tiên phong làm chủ và phát triển trí tuệ nhân tạo, định hình tương lai giáo dục và kinh tế tri thức.

5. Lấy chuẩn mực quốc tế làm thước đo cho mọi hoạt động; coi chất lượng xuất sắc và giá trị cống hiến xã hội là nền tảng để thu hút và đa dạng hóa các nguồn lực phát triển.

2. Mục tiêu tổng quát

Hiện đại hóa toàn diện, phát triển ĐHQGHN thành đại học nghiên cứu hàng đầu khu vực; là một trung tâm đào tạo nhân tài quốc gia, đóng vai trò hạt nhân tri thức, đổi mới sáng tạo của Thủ đô Hà Nội và cả nước.

3. Mục tiêu cụ thể

1. Đạt chuẩn mực của đại học nghiên cứu, thuộc nhóm 100 đại học hàng đầu

¹ Phiên bản tiếng Anh: Pioneering - Innovation - Excellence - Humanity - Dedication

Châu Á vào năm 2030 và nhóm 300 đại học hàng đầu thế giới vào năm 2035.

2. Trở thành trung tâm nhân tài quốc gia với đội ngũ giảng viên, nhà khoa học xuất sắc và quy mô đào tạo tài năng lớn nhất Việt Nam.

3. Vận hành như một tập đoàn tri thức, sở hữu các trung tâm nghiên cứu và phát triển, đổi mới sáng tạo, tư vấn chính sách hàng đầu quốc gia và khu vực.

4. Chuyển đổi thành đại học số toàn diện, vận hành tối ưu toàn bộ hoạt động cốt lõi dựa trên dữ liệu và trí tuệ nhân tạo.

5. Phát triển khu đô thị đại học Hòa Lạc thành hình mẫu đô thị tri thức và công nghệ cao hiện đại của khu vực, không gian chiến lược thu hút hợp tác đầu tư.

III. CÁC TRỤ CỘT CHIẾN LƯỢC

Các trụ cột chiến lược xác định những năng lực nền tảng, lĩnh vực ưu tiên cốt lõi của ĐHQGHN trong giai đoạn 2026 - 2035, kèm theo đó là các giải pháp trọng tâm. Đây là khung định hướng cho việc thiết kế và điều phối các chương trình hành động nhằm hiện thực hóa mục tiêu chiến lược của ĐHQGHN.

1. QUẢN TRỊ TỐI ƯU VÀ KIẾN TẠO

Quản trị là công cụ kiến tạo môi trường thể chế thuận lợi cho tự chủ, đổi mới và phát triển bền vững. ĐHQGHN xây dựng mô hình quản trị thông minh, tối ưu và kiến tạo theo các chuẩn mực tiên tiến, tối đa hóa hiệu quả sử dụng nguồn lực và năng lực điều hành, phân cấp tối đa, tạo động lực phát huy tiềm năng, thể mạnh của mỗi cá nhân, đơn vị và sức mạnh tổng thể toàn hệ thống. Mục tiêu hướng tới là mô hình quản trị của một tập đoàn tri thức (Holdings), trong đó các đơn vị thành viên vận hành theo cơ chế tự chủ như các doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Giải pháp trọng tâm

1.1. Hoàn thiện hệ thống văn bản quy chế, quy định nội bộ; phân cấp tối đa quyền hạn và trách nhiệm, tối ưu hóa sử dụng các nguồn lực.

1.2. Xây dựng hệ thống đánh giá kết quả hoạt động, triển khai hệ thống KPI tới từng tổ chức và cá nhân.

1.3. Sắp xếp, tối ưu hóa tổ chức và nhân sự các cấp dựa trên đánh giá lại toàn diện sứ mạng, chức năng, nhiệm vụ và kết quả hoạt động của các đơn vị.

1.4. Tái cấu trúc, tối giản và chuyển đổi số toàn trình các quy trình, thủ tục; phân cấp triệt để quyền hạn, trách nhiệm; cắt giảm cấp và khâu trung gian.

1.5. Triển khai hệ thống điều hành thông minh thời gian thực, ứng dụng AI để phân tích và hỗ trợ ra quyết định.

1.6. Hoàn thiện các chính sách phân bổ nguồn lực dựa trên KPI; tối ưu hóa sử dụng nguồn lực dùng chung và chia sẻ nguồn lực riêng.

1.7. Xây dựng văn hóa tổ chức và môi trường làm việc chuyên nghiệp, dân chủ, đề cao tự chủ, sáng tạo và liêm chính.

1.8. Thực hiện chính sách “tự đào tạo” và tổ chức đào tạo năng lực lãnh đạo, quản trị, công nghệ số và AI cho đội ngũ cán bộ.

1.9. Nâng tầm công tác truyền thông và phát triển thương hiệu, quảng bá hình ảnh ĐHQGHN và các đơn vị thành viên tương xứng với vị thế và tầm nhìn.

2. ĐỘI NGŨ NHÂN TÀI VÀ TRÍ THỨC TINH HOA

Đội ngũ nhân tài và trí thức tinh hoa là trụ cột quan trọng nhất của một đại học nghiên cứu đẳng cấp quốc tế. ĐHQGHN tập trung thu hút và phát triển đội ngũ giảng viên xuất sắc, nhà khoa học đầu ngành; đồng thời chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ kế cận có năng lực chuyên môn giỏi và chuẩn mực nghề nghiệp cao.

Giải pháp trọng tâm

2.1. Xây dựng quy định về chế độ làm việc, đánh giá và chính sách đãi ngộ cán bộ theo năng lực và kết quả công tác, áp dụng thống nhất trong ĐHQGHN.

2.2. Ban hành chuẩn các chức danh, thực hiện lộ trình chuẩn hóa trình độ, năng lực của đội ngũ giảng viên.

2.3. Xây dựng tiêu chuẩn, quy trình tuyển chọn, bổ nhiệm giáo sư, phó giáo sư và các vị trí chức danh giảng viên, cán bộ khoa học khác theo chuẩn quốc tế.

2.4. Thực hiện các chính sách đặc biệt thu hút 500 giảng viên giỏi, nhà khoa học xuất sắc, chuyên gia đầu ngành trong và ngoài nước².

2.5. Thực hiện các chính sách thu hút, ươm tạo nhà khoa học trẻ tài năng, xây dựng đội ngũ học giả kế cận ưu tú³.

2.6. Thực hiện chính sách hỗ trợ thực tập doanh nghiệp, trao đổi nghiên cứu tại nước ngoài đối với giảng viên, nhà khoa học trẻ tiềm năng.

3. NGHIÊN CỨU XUẤT SẮC GẮN VỚI ĐÀO TẠO TINH HOA

ĐHQGHN phải trở thành lựa chọn hàng đầu của các tài năng trẻ xuất sắc nhất cả nước tới học tập và nghiên cứu, đồng thời là địa chỉ ưu tiên đầu tư, hợp tác và tài trợ hàng đầu của Nhà nước, doanh nghiệp và đại học lớn trên thế giới. Để tạo lợi thế cạnh tranh, ĐHQGHN phải chuyển đổi chiến lược phát triển học thuật từ số lượng sang chú trọng chất lượng, tập trung vào nghiên cứu đỉnh cao, nghiên cứu tác động lớn gắn kết với đào tạo tinh hoa và đổi mới sáng tạo. Các lĩnh vực được ưu tiên đặc biệt bao gồm khoa học cơ bản, khoa học liên ngành, kỹ thuật then chốt và công nghệ chiến lược.

Giải pháp trọng tâm

3.1. Hoàn thiện hệ thống đánh giá kết quả hoạt động khoa học và công nghệ, chú trọng chất lượng khoa học và hiệu quả đầu tư.

3.2. Hoàn thiện các chính sách phân bổ và sử dụng kinh phí khoa học và công nghệ theo các mục tiêu chiến lược và hiệu quả hoạt động.

3.3. Đổi mới tổ chức và hoạt động của các đơn vị nghiên cứu cấp đại học, tập trung vào các nghiên cứu liên ngành, phát triển công nghệ chiến lược.

² Theo chế độ cơ hữu, đồng cơ hữu, kiêm giảng, thỉnh giảng...

³ Các chính sách học bổng sau tiến sĩ, học bổng nghiên cứu ở nước ngoài, tham gia nhóm nghiên cứu mạnh, phân công giáo sư đầu ngành cố vấn...

3.4. Quy hoạch và đầu tư xây dựng hệ thống phòng thí nghiệm hiện đại phục vụ đào tạo và nghiên cứu (cơ bản, dùng chung, chuyên sâu) tại Hòa Lạc.

3.5. Đầu tư xây dựng các phòng thí nghiệm trọng điểm, phát triển các trung tâm xuất sắc cấp quốc gia về các lĩnh vực trọng điểm, chiến lược.

3.6. Quy hoạch, sắp xếp hệ thống ngành và chương trình đào tạo, khuyến khích phát triển liên ngành, giảm thiểu chồng chéo giữa các đơn vị.

3.7. Tăng cường kiểm định quốc tế và kiểm định nội bộ chương trình đào tạo, loại bỏ các chương trình kém chất lượng, kém hiệu quả.

3.8. Đổi mới hệ thống đào tạo theo mô hình giáo dục hội tụ⁴, thúc đẩy “học sâu” và “học thích ứng” dựa trên nghiên cứu, trải nghiệm và tận dụng công nghệ.

3.9. Hoàn thiện các chính sách hỗ trợ, mở rộng triển khai các chương trình đào tạo tài năng, chất lượng cao trình độ thạc sĩ, kỹ sư và tiến sĩ.

3.10. Thực hiện các chính sách đột phá để thu hút nghiên cứu sinh tiến sĩ và sau tiến sĩ, gắn với các nhiệm vụ nghiên cứu, đổi mới sáng tạo⁵.

3.11. Mở rộng hợp tác chiến lược với các đối tác lớn thông qua các chương trình, dự án nghiên cứu chung, phòng Lab dùng chung, trung tâm R&D hỗn hợp.

3.12. Xây dựng môi trường làm việc quốc tế hóa, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong giảng dạy và nghiên cứu.

3.13. Đổi mới mô hình và phương pháp giáo dục trong các trường chuyên, chú trọng đồng thời phát triển tài năng cá nhân và giáo dục toàn diện.

4. TÀI CHÍNH BỀN VỮNG GẮN VỚI HỆ SINH THÁI TRI THỨC

Nguồn lực tài chính dồi dào, cùng với hệ thống quản trị ưu việt và đội ngũ nhân tài tinh hoa là các yếu tố thành công cốt lõi của một đại học đẳng cấp thế giới. ĐHQGHN phải gia tăng nhanh và đa dạng hóa các nguồn thu thông qua phát triển mạnh và khai thác hiệu quả các giá trị vượt trội từ hệ sinh thái đào tạo tinh hoa, nghiên cứu xuất sắc, đổi mới sáng tạo và các dịch vụ hỗ trợ đi kèm trong sự hợp tác với các đối tác lớn. Đồng thời, cần xây dựng một hệ thống quản trị tài chính, tài sản hiệu quả, minh bạch và thống nhất trong toàn ĐHQGHN.

Giải pháp trọng tâm

4.1. Hoàn thiện quy chế quản trị tài chính và tài sản, áp dụng các mô hình tiên

⁴ Mô hình *Convergent Education* là một bước tiến xa hơn của đào tạo liên ngành. Nếu liên ngành là việc kết hợp các lĩnh vực lại với nhau, thì hội tụ là sự hòa quyện hoàn toàn giữa kiến thức, công nghệ và các phương pháp luận từ những lĩnh vực khác nhau để tạo ra một hệ khung giải quyết vấn đề mới. Đây là mô hình xóa bỏ các “ốc đảo” học thuật (academic silos). Thay vì học các môn rời rạc, sinh viên sẽ được đặt vào trung tâm của các vấn đề thực tế phức tạp (như biến đổi khí hậu, đạo đức AI, kinh tế số) mà ở đó, các biên giới giữa Kỹ thuật, Nhân văn và Kinh doanh bị làm mờ đi. Hội tụ tri thức: Kết hợp STEM (Khoa học, Công nghệ, Kỹ thuật, Toán) với Humanities (Nhân văn) để tạo ra các giải pháp công nghệ có tính nhân bản. Hội tụ nguồn lực: Xóa nhòa ranh giới giữa Nhà trường – Chính phủ – Doanh nghiệp để cùng đào tạo và nghiên cứu.

⁵ Tuyển dụng và ký hợp đồng (có trả lương) vào các vị trí trợ giảng, trợ lý nghiên cứu; thực hiện chính sách miễn giảm học phí (miễn hoàn toàn cho NCS toàn thời gian), ưu tiên cấp học bổng, hỗ trợ sinh hoạt phí, trao đổi quốc tế...) từ các nguồn kinh phí khoa học và công nghệ...

tiền, phân bổ kinh phí theo hiệu quả hoạt động, hạch toán theo chi phí.

4.2. Xây dựng chính sách học phí gắn với chất lượng đào tạo, nhu cầu xã hội và chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

4.3. Kiện toàn một đơn vị chuyên trách, được ủy quyền quản lý và khai thác tài sản trí tuệ và thương hiệu của ĐHQGHN và các đơn vị thành viên.

4.4. Thiết lập không gian đổi mới sáng tạo và trung tâm chuyển giao tri thức chuyên nghiệp chung cho toàn ĐHQGHN.

4.5. Thành lập và vận hành hiệu quả quỹ đầu tư mạo hiểm để ươm tạo doanh nghiệp spin-off/start-up.

4.6. Phát triển Quỹ phát triển ĐHQGHN thành một quỹ hiến tặng, thành lập bộ phận vận động gây quỹ và vận hành quỹ chuyên nghiệp.

4.7. Xây dựng chương trình chọn lọc, hỗ trợ ươm tạo, khởi nghiệp dành riêng cho các nghiên cứu sinh tiến sĩ và chuyển tiếp sau tiến sĩ.

4.8. Tăng cường hợp tác với doanh nghiệp, địa phương để xây dựng và triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

4.9. Tăng cường hợp tác chiến lược với đối tác quốc tế để cùng nghiên cứu, phát triển và chuyển giao công nghệ lõi (deep-tech) về Việt Nam.

5. HẠ TẦNG VÀ CÔNG NGHỆ SỐ HIỆN ĐẠI

Hạ tầng và công nghệ số hiện đại là trụ cột thiết yếu của một đại học nghiên cứu và đổi mới sáng tạo thế hệ mới. ĐHQGHN phải trở thành một đại học số toàn diện, vận hành đồng bộ các hoạt động cốt lõi trên không gian số, ứng dụng AI toàn diện trong quản trị, đào tạo, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo.

Giải pháp trọng tâm

5.1. Xây dựng một nền tảng số hợp nhất của ĐHQGHN; nâng cấp toàn diện và tích hợp các hệ thống quản trị số, học tập số, thư viện số và AI.

5.2. Xây dựng trung tâm siêu tính toán dùng chung, đồng thời kết nối với các tài nguyên tính toán dùng chung quốc gia.

5.3. Triển khai nền tảng giáo dục thông minh, đảm bảo mỗi người học có hồ sơ năng lực số và được học tập cá thể hóa dựa trên phân tích dữ liệu lớn.

5.4. Phát triển hệ sinh thái học tập mọi lúc mọi nơi, đáp ứng nhu cầu tiếp cận tri thức số trên toàn bộ khuôn viên đại học.

6. ĐÔ THỊ TRI THỨC VÀ CÔNG NGHỆ

Khu đô thị đại học Hòa Lạc là không chỉ là một khuôn viên đại học thông thường, mà phải là một đô thị tri thức và công nghệ hiện đại, tích hợp đa chức năng, tạo một lợi thế cạnh tranh đặc thù của ĐHQGHN. Nơi đây sẽ cung cấp hạ tầng và không gian chiến lược, cùng với một hệ sinh thái tri thức có sức hút mạnh mẽ để các đối tác lớn trong và ngoài nước tới hợp tác, đầu tư trong các lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ lõi; qua đó tạo một động lực tăng trưởng dựa trên tri thức cho vùng Thủ đô.

Giải pháp trọng tâm

6.1. Hoàn thiện quy hoạch theo mô hình đô thị tri thức và công nghệ cao, phân hoạch thành các cụm đổi mới sáng tạo tích hợp liên ngành (technopolis kiểu mới)⁶.

6.2. Xây dựng và vận hành đô thị thông minh dựa trên mô hình bản sao số và trung tâm điều hành thông minh.

6.3. Kết nối hạ tầng và nguồn lực với Khu công nghệ cao Hòa Lạc; tăng cường hợp tác chia sẻ phòng thí nghiệm và không gian làm việc chung.

6.4. Xây dựng cơ chế ưu đãi đặc thù để thu hút vốn tư nhân đầu tư vào các khu R&D doanh nghiệp, dịch vụ thương mại và công viên công nghệ.

6.5. Hợp tác đầu tư đồng bộ hạ tầng xã hội và dịch vụ⁷ để đảm bảo an sinh, tạo động lực cho cán bộ, giảng viên yên tâm công tác tại Hòa Lạc.

6.6. Kiện toàn tổ chức bộ máy, hình thành một đơn vị chuyên nghiệp phụ trách quản lý và khai thác hạ tầng, cơ sở vật chất và dịch vụ đô thị.

IV. HỆ THỐNG CHỈ TIÊU CHIẾN LƯỢC

TT	Tên chỉ số	Mục tiêu 2030	Mục tiêu 2035
1	Quản trị		
1.1	Tỉ lệ đơn vị chuyên môn tự chủ toàn diện ⁸	100%	100%
1.2	Tỉ lệ cán bộ hành chính và phục vụ ⁹	20%	15%
1.3	Mức độ hài lòng của cấp được phục vụ ¹⁰	90%	95%
2	Đội ngũ		
2.1	Tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ ¹¹	80%	90%
2.2	Tỉ lệ tài năng trẻ tuyển mới hằng năm ¹²	2%	2%
2.3	Tỉ lệ giáo sư, phó giáo sư ¹³	30%	40%
2.4	Tỉ lệ giáo sư, phó giáo sư từ nước ngoài ¹⁴	5%	10%

⁶ Quy hoạch đô thị không tách biệt theo các phân khu chức năng truyền thống, mà được phân chia thành các phân khu đổi mới sáng tạo tích hợp (“innovation district”) theo từng lĩnh vực liên ngành, nơi gắn kết các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo, chuyển giao tri thức; nơi có sự đồng hiện và đồng kiến tạo của nhiều chủ thể (sinh viên, giảng viên, nghiên cứu viên, doanh nhân, nhà đầu tư...) trong lĩnh vực liên ngành đó.

⁷ Trực tiếp đầu tư hoặc hợp tác PPP để đầu tư hệ thống trường phổ thông liên cấp chất lượng cao, bệnh viện, nhà ở công vụ, ký túc xá, công trình thể thao, văn hóa...trên và xung quanh khu đô thị đại học.

⁸ Thực hiện đầy đủ quyền tự chủ theo quy định của pháp luật về giáo dục đại học và khoa học công nghệ.

⁹ Số cán bộ không trực tiếp tham gia hoạt động chuyên môn có thu, tính theo số cán bộ toàn thời gian.

¹⁰ Đối tượng được phục vụ: Lãnh đạo các đơn vị cấp dưới đối với các cơ quan cấp trên; cán bộ đối với từng đơn vị; sinh viên đối với từng đơn vị đào tạo.

¹¹ Tính theo số giảng viên toàn thời gian.

¹² Tính theo số cán bộ khoa học toàn thời gian. Tài năng trẻ là người tốt nghiệp tiến sĩ từ các đại học top 200 thế giới, hoặc thuộc top 500 thế giới và có H-Index > 5 (5 năm cuối).

¹³ Tính theo số GS, PGS làm việc toàn thời gian hoặc kiêm nhiệm trên tổng số cán bộ khoa học toàn thời gian hoặc kiêm nhiệm (ít nhất 25% thời gian, khối lượng định mức).

¹⁴ Tính theo số GS, PGS là người Việt Nam ở nước ngoài, hoặc người nước ngoài được bổ nhiệm làm việc toàn thời gian hoặc kiêm nhiệm, trên tổng số cán bộ khoa học toàn thời gian hoặc kiêm nhiệm (ít nhất 25% thời gian, khối lượng định mức).

3	Chuyên môn		
3.1	Số nhóm ngành đứng trong Top 100 thế giới	01	03
3.2	Cơ cấu tuyển sinh đại học, thạc sĩ và tiến sĩ	6:3:1	3:2:1
3.3	Tỉ lệ sinh viên nhập học thuộc Top 5% cả nước ¹⁵	50%	80%
3.4	Tỉ lệ tuyển sinh vào các chương trình tài năng	20%	50%
3.5	Tỉ lệ người học là người nước ngoài ¹⁶	5%	8%
3.6	Số công bố khoa học chất lượng cao/CBKH ¹⁷	1,5	2,0
3.7	Số bằng sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp	100	200
3.8	Số sản phẩm công nghệ quốc gia được chuyển giao	10	20
3.9	Uy tín và năng lực tư vấn chính sách, chiến lược ¹⁸	Hàng đầu Việt Nam	Hàng đầu ASEAN
4	Tài chính		
4.1	Tăng tổng thu/cán bộ (so với 2025)	2 lần	4 lần
4.2	Tỉ trọng thu từ KHCN&ĐMST ¹⁹	35%	40%
4.3	Kinh phí R&D thu hút ngoài ngân sách nhà nước	50 triệu USD	100 triệu USD
4.4	Tổng số vốn huy động được cho các spin-off	200 triệu USD	500 triệu USD
4.5	Tổng giá trị quỹ hiến tặng ĐHQGHN	500 tỉ VND	1.000 tỉ VND
5	Công nghệ		
5.1	Tỉ lệ quy trình và báo cáo đạt chuẩn vận hành số ²⁰	95%	100%
5.2	Mức độ đáp ứng nhu cầu tiếp cận tri thức số ²¹	95%	100%
5.3	Mức độ đáp ứng nhu cầu tính toán hiệu năng cao ²²	95%	100%
5.4	Mức độ cá thể hóa học tập với AI ²³	100%	100%
6	Đô thị Hòa Lạc		
6.1	Tỉ suất doanh thu hệ sinh thái trên vốn ngân sách ²⁴	0,5	1,0
6.2	Số trung tâm R&D và PTN chung của các đối tác lớn	10	20
6.3	Quy mô dân số tri thức làm việc thường xuyên	60.000	80.000
6.4	Số doanh nghiệp công nghệ được ươm tạo/năm	50	100

¹⁵ Tính theo phổ điểm thi tốt nghiệp THPT ở tổ hợp môn phù hợp nhất của từng lĩnh vực đào tạo.

¹⁶ Chỉ tính số theo học ít nhất 1 học kỳ trở lên.

¹⁷ Tính số bài WoS/Scopus trên một cán bộ khoa học toàn thời gian hoặc kiêm nhiệm (không tính thỉnh giảng), đối với các lĩnh vực STEM chỉ tính bài Q1, Q2.

¹⁸ Dựa trên đánh giá của các cấp lãnh đạo Đảng, Nhà nước và số nhiệm vụ được giao chủ trì.

¹⁹ Tính tất cả nguồn thu từ các hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển giao tri thức, do các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức hoặc cá nhân (trong và ngoài nước) đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc hợp tác, tài trợ đối với ĐHQGHN và các đơn vị.

²⁰ Một quy trình quản trị hoặc báo cáo quản lý được coi là “đạt chuẩn vận hành số” khi thỏa mãn đồng thời 3 tiêu chí: (i) Dữ liệu nguồn duy nhất, (ii) Liên thông toàn trình và (iii) Thời gian thực.

²¹ Khảo sát người học và giảng viên về mức độ đầy đủ của thư viện tri thức số

²² Khảo sát người học và giảng viên về mức độ đáp ứng nhu cầu tiếp cận tài nguyên tính toán hiệu năng cao

²³ Tỉ lệ người học được học theo lộ trình cá thể hóa sử dụng AI trên tổng số người học.

²⁴ Tổng doanh thu hệ sinh thái đô thị tri thức và công nghệ Hòa Lạc (hàng năm), bao gồm doanh thu ngoài NSNN của ĐHQGHN và doanh thu của các đơn vị, doanh nghiệp hoạt động trong khu đô thị, trên tổng vốn NSNN đã đầu tư (lũy kế).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Nguyên tắc triển khai

- Chiến lược này là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của ĐHQGHN. Các mục tiêu, chỉ tiêu và giải pháp của Chiến lược được cụ thể hóa thông qua kế hoạch nhiệm vụ hằng năm của ĐHQGHN và các đơn vị.

- Đảm bảo sự thống nhất trong chỉ đạo, điều hành của ĐHQGHN gắn với phát huy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm và tính năng động, sáng tạo của các đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc.

2. Phân công và cơ chế chỉ đạo

a) Giám đốc ĐHQGHN

- Thống nhất lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện việc tổ chức thực hiện Chiến lược; phê duyệt chiến lược phát triển của các đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc.

- Phân công các Phó Giám đốc chịu trách nhiệm chỉ đạo, Văn phòng và các ban chức năng chủ trì theo dõi các chỉ tiêu hoạt động chính.

- Hằng năm, quyết định phê duyệt các chỉ tiêu hoạt động chính của toàn hệ thống và của các đơn vị thành viên, thuộc và trực thuộc.

b) Các Phó Giám đốc ĐHQGHN

Căn cứ vào lĩnh vực được phân công phụ trách, chương trình hành động và kế hoạch thực hiện các nghị quyết của Đảng:

- Hằng năm chỉ đạo các Ban chức năng và các đơn vị rà soát, tích hợp các mục tiêu, yêu cầu và giải pháp của Chiến lược vào các chương trình, đề án, nhiệm vụ và đưa vào kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm của năm.

- Chỉ đạo đánh giá thực tiễn, trong trường hợp cần thiết quyết định việc xây dựng bổ sung các chương trình, đề án, nhiệm vụ mới để thực hiện hiệu quả các giải pháp trọng tâm của Chiến lược.

- Kiểm tra, đôn đốc và đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu chiến lược và các chỉ tiêu hoạt động chính thuộc lĩnh vực phụ trách.

c) Văn phòng và các ban chức năng của ĐHQGHN

Căn cứ vào chức năng của đơn vị, các nhiệm vụ được giao theo chương trình hành động và kế hoạch thực hiện các nghị quyết của Đảng:

- Tham mưu giúp Ban Giám đốc cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu của Chiến lược thành các cơ chế, chính sách, quy định điều hành.

- Hằng năm, căn cứ Chiến lược này để đề xuất kế hoạch nhiệm vụ, các chỉ tiêu hoạt động chính và phân bổ nguồn lực bám sát các ưu tiên chiến lược.

- Chủ trì theo dõi, hướng dẫn và đôn đốc các đơn vị liên quan thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp và chỉ tiêu hoạt động chính.

d) Các đơn vị thành viên và trực thuộc ĐHQGHN

- Khẩn trương rà soát, bổ sung và hoàn thiện chiến lược phát triển của đơn vị

mình đảm bảo thống nhất, đồng bộ với quan điểm, mục tiêu và các giải pháp của Chiến lược phát triển ĐHQGHN; trình Giám đốc ĐHQGHN phê duyệt ban hành, chậm nhất tháng 6/2026.

- Cụ thể hóa các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược vào kế hoạch trung hạn và hằng năm của đơn vị; thực hiện giao kết với Giám đốc ĐHQGHN về việc hoàn thành các chỉ tiêu chiến lược được giao.

3. Chế độ thông tin, báo cáo và giám sát

- Thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu và bộ chỉ số hoạt động chính (KPI) để giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược theo thời gian thực trên nền tảng số; tổ chức giao ban toàn ĐHQGHN cuối mỗi quý để thống nhất chỉ đạo và triển khai.

- Định kỳ hằng năm, ĐHQGHN tổ chức đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược; tổ chức sơ kết vào năm 2030 để xem xét, điều chỉnh mục tiêu, giải pháp cho giai đoạn 2031-2035 phù hợp với bối cảnh mới.

